



Biểu số: **04.N/BỘCUBDT**

Ban hành theo Thông tư số 02/2018/TT-UBND ngày 05/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
Ngày nhận báo cáo: 15/3/2020

Số lượng, tỷ lệ các thôn bản vùng dân tộc thiểu số đã có đường giao thông được đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới Năm 2019

Đơn vị báo cáo: Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo: Ủy ban Dân tộc (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

	Số thôn bản vùng dân tộc thiểu số (Thôn/bản)	Số thôn bản vùng dân tộc thiểu số đã có đường giao thông được đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới (Thôn/bản)	Tỷ lệ thôn bản vùng dân tộc thiểu số đã có đường giao thông được đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Tổng cộng	105	57	54.3
Huyện Khánh Vĩnh	32	2	6.3
Thị trấn Khánh Vĩnh	2	0	0.0
Xã Khánh Thành	2	0	0.0
Xã Khánh Phú	4	0	0.0
Xã Sông Cầu	1	0	0.0
Xã Cầu Bà	2	0	0.0
Xã Liên Sang	2	0	0.0
Xã Giang Ly	2	0	0.0
Xã Sơn Thái	2	0	0.0
Xã Khánh Thượng	3	0	0.0
Xã Khánh Nam	2	0	0.0
Xã Khánh Trung	3	0	0.0
Xã Khánh Bình	3	0	0.0
Xã Khánh Đông	1	0	0.0
Xã Khánh Hiệp	3	2	66.7
Huyện Khánh Sơn	31	23	74.2
Xã Thành Sơn	4	2	50.0
Xã Sơn Lâm	4	3	75.0
Xã Sơn Bình	4	1	25.0
Xã Sơn Hiệp	4	2	50.0
Xã Sơn Trung	3	3	100.0
Xã Ba Cạm Bắc	4	4	100.0
Xã Ba Cạm Nam	3	3	100.0

TT. Tô Hạp	5	5	100.0
Huyện Cam Lâm	14	14	100.0
Sơn Tân	2	2	100.0
Cam Phước Tây	2	2	100.0
Suối Tân	1	1	100.0
Suối Cát	3	3	100.0
Cam Tân	1	1	100.0
Cam Hòa	2	2	100.0
Cam Hiệp Bắc	1	1	100.0
Cam An Bắc	1	1	100.0
Cam An Nam	1	1	100.0
TP. Cam Ranh	3	3	100.0
xã Cam Thành Nam	1	1	100.0
xã Cam Phước Đông	1	1	100.0
xã Cam Thịnh Tây	1	1	100.0
T.X Ninh Hòa	23	13	56.5
Xã Ninh Sơn	5	3	60.0
Xã Ninh Tây	7	3	42.9
Xã Ninh Thượng	7	3	42.9
Xã Ninh Tân	4	4	100.0
Huyện Diên Khánh	2	2	100.0
Diên Tân	1	1	100.0
Suối Tiên	1	1	100.0

Biểu số: 05.N/BC-UBND

Ban hành theo Thông tư số ~~02/2018/TTC~~
UBND ngày 05/11/2018 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

Ngày nhận báo cáo: 15/3/2020



Hộ nghèo và cận nghèo

người dân tộc thiểu số năm 2019
(Số liệu từ 01/1 tính đến 31/12/2019)

Đơn vị báo cáo: Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo: Ủy ban Dân tộc (Vụ Kế
hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: hộ

	Tổng số hộ	Trong đó số hộ DTTS	Số hộ nghèo DTTS	Số hộ cận nghèo DTTS	Số hộ thoát nghèo DTTS	Số hộ nghèo DTTS phát sinh mới	Số hộ DTTS tái nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo DTTS
1. Tổng số	331,842	17,993	5,913	4,559	2,002	39	4	32.86	25.34
2. Chia theo quận/huyện									
Thành phố Nha Trang	111,774	567	2	17	0	0	0	0.35	3.00
Thành phố Cam Ranh	36,124	2,422	127	446	86	0	0	5.24	18.41
Thị xã Ninh Hòa	61,875	1,283	170	277	91	0	0	13.25	21.59
Huyện Vạn Ninh	36,021	57	4	5	0	0	0	7.02	8.77
Huyện Diên Khánh	38,305	184	74	55	0	0	0	40.22	29.89
Huyện Cam Lâm	31,060	1,572	209	886	37	7	0	13.30	56.36
Huyện Khánh Vĩnh	9,715	6,950	3,105	1,469	1,015	1	0	44.68	21.14
Huyện Khánh Sơn	6,968	4,958	2,222	1,404	773	31	4	44.82	28.32



Biểu số: 07/N/BC-UBND

Ban hành theo Thông tư số 02/2018/TT-UBND ngày 05/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
Ngày nhận báo cáo: 15/3/2020

Số lượng công chức trong các cơ quan công tác dân tộc các cấp Năm 2019

Đơn vị báo cáo: Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo: Ủy ban Dân tộc (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Người

	Tổng số	Cấp tỉnh				Cấp huyện			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Nữ	DTTS	Nữ DTTS		Nữ	DTTS	Nữ DTTS
<i>A</i>	<i>l=2+6</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
Tổng số	29	12	6	2	1	17	9	4	2
1. Trong đó: Đảng viên	22	9	3	2	1	13	7	2	1
2. Chia theo tôn giáo	29	12	1			17	9	4	2
- Không tôn giáo	28	11				17	9	4	2
- Có theo tôn giáo	1	1	1						
3. Chia theo nhóm tuổi	29	12	6	2	1	17	9	4	2
- Từ 30 trở xuống	5	2	2	1	1	3		1	
- Từ 31 đến 40	12	3	2	1		9	6	2	1
- Từ 41 đến 50	5	3	1			2	2	1	1
- Từ 51 đến 55	5	3	1			2	1		
- Từ 56 đến 60	2	1				1			
- Trên 60 tuổi									
4. Chia theo ngạch công chức	29	12	6	2	1	17	9	4	2
- Nhân viên									
- Cán sự và TĐ	7	1	1			6	4	2	2
- Chuyên viên và TĐ	17	8	5	2	1	9	4	2	
- Chuyên viên chính và TĐ	5	3				2	1		
- Chuyên viên cao cấp và TĐ									
5. Chia theo trình độ đào tạo	29	12	6	2	1	17	9	4	2
- Sơ cấp									
- Trung cấp	2					2			
- Cao đẳng	1	1	1						
- Đại học	24	10	4	2	1	14	9	4	2
- Trên đại học	2	1	1			1			



Biểu số: 09.N/BC-UBDT
Ban hành theo Thông tư số
02/2018/TT-UBDT ngày
05/11/2018 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
Ngày nhận báo cáo: 15/3/2020

**Số công chức, viên chức trong cơ
quan công tác dân tộc các cấp
được đào tạo, bồi dưỡng về công
tác dân tộc, lý luận chính trị,
quản lý nhà nước và đào tạo
khác**

Đơn vị báo cáo: Ban Dân tộc tỉnh
Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo: Ủy ban Dân
tộc (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

	Tổng số	Trong đó		
		Nữ	Dân tộc thiểu số	Nữ dân tộc thiểu số
A	1	2	3	4
1. Tổng số	14	8	6	4
2. Chia theo độ tuổi	14	8	6	4
- Từ 30 trở xuống	2	1	2	2
- Từ 31 đến 40	7	5	3	1
- Từ 41 đến 50	3	2	1	1
- Từ 51 đến 55	2			
- Từ 56 đến 60				
- Trên 60 tuổi	1			
3. Chia theo các khóa đào tạo				
- Lý luận chính trị	7	5	2	1
- Quản lý nhà nước	9	5	4	1
- Công tác dân tộc	2	2	1	1
- Đào tạo khác	6	3	3	1

